

NGHỊ QUYẾT

**Về Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Hòa Bình
đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở;

Căn cứ Nghị định số 188/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ về phát triển nhà ở xã hội;

Căn cứ Nghị định số 84/2013/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định về phát triển và quản lý nhà ở tái định cư;

Căn cứ Quyết định số 2127/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chiến lược phát triển nhà ở Quốc gia đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 917/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hòa Bình đến năm 2020;

Sau khi xem xét Tờ trình số 53/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Hòa Bình đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - xã hội và Dân tộc; Ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Hòa Bình đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, cụ thể như sau:

1. Mục tiêu đến năm 2020

a) Các chỉ tiêu về nhà ở:

- Diện tích nhà ở bình quân toàn tỉnh là $19,3\text{m}^2/\text{người}$ (diện tích nhà ở tối thiểu $6,8\text{m}^2/\text{người}$), trong đó khu vực đô thị $23,5\text{m}^2/\text{người}$, khu vực nông thôn $15,5\text{m}^2/\text{người}$.

- Nâng tỷ lệ nhà ở kiên cố toàn tỉnh lên thành 70,0%; giảm tỷ lệ nhà ở đơn sơ xuống còn 2%.

- Tổ chức triển khai thực hiện công tác phát triển nhà ở xã hội, cụ thể như sau:

+ Đầu tư xây dựng khoảng 47.000m^2 sàn, đáp ứng 6.750 chỗ ở cho học sinh, sinh viên đang theo học tại các trường cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng nghề, trung học nghề.

+ Đầu tư xây dựng khoảng 180.000m^2 sàn, đáp ứng 18.000 chỗ ở cho công nhân.

+ Đầu tư xây dựng khoảng 306.000m^2 sàn, tương ứng 3.500 căn hộ cho cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp thuộc lực lượng vũ trang, người có thu nhập thấp tại khu vực đô thị và các đối tượng chính sách xã hội khác được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội theo quy định của pháp luật về nhà ở.

+ Đầu tư xây dựng khoảng 700m^2 nhà ở công vụ.

+ Đầu tư xây dựng khoảng 157.000m^2 sàn nhà ở tái định cư, tương ứng 2.000 căn hộ.

- Tiếp tục phát triển nhà ở thương mại; thực hiện việc quản lý quỹ đất 20% trong các dự án nhà ở thương mại, khu đô thị mới để xây dựng nhà ở xã hội; tỷ lệ nhà chung cư trong các dự án phát triển nhà ở tại đô thị đạt 20%.

- Tỷ lệ nhà cho thuê bằng 3% so với tổng diện tích nhà ở tăng thêm tại khu vực đô thị.

- Tại mỗi dự án phát triển nhà ở khu vực đô thị có tối thiểu 01 tuyến đường mang đặc trưng nhà ở của đồng bào dân tộc thiểu số, phù hợp với văn hóa và phong tục tập quán của từng địa phương. Đến năm 2020, tỷ lệ nhà ở đồng bào dân tộc thiểu số trong các dự án phát triển nhà ở tại đô thị đạt khoảng 10%.

- Quỹ đất ở tại khu vực đô thị và nông thôn tăng thêm 543 ha.

b) Nguồn vốn thực hiện:

Tổng vốn đầu tư xây dựng dành cho các loại nhà ở đến năm 2020 của toàn tỉnh khoảng 33.692 tỷ đồng, trong đó:

- Nguồn vốn ngân sách Trung ương dành để hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng và nhà ở cho hộ nghèo khoảng 361 tỷ đồng;

- Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách địa phương cho nhà ở xã hội cho thuê, cho thuê mua; nhà ở công vụ; nhà ở cho học sinh, sinh viên đang theo học tại các

trường cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng nghề, trung học nghề; nhà ở hộ nghèo; nhà ở cho người có công với cách mạng khoảng 214 tỷ đồng chiếm 0,6% tổng vốn đầu tư xây dựng dành cho các loại nhà ở.

- Nguồn vốn ngoài ngân sách 33.117 tỷ đồng.

2. Tầm nhìn đến năm 2030

- Tiếp tục nâng cao chất lượng nhà ở, đáp ứng nhu cầu về nhà ở cho các đối tượng, đặc biệt là các đối tượng chính sách xã hội có khó khăn về nhà ở, phát triển nhà ở hiện đại, bền vững và thân thiện với môi trường, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Diện tích nhà ở bình quân toàn tỉnh là 25,0m²/người (diện tích nhà ở tối thiểu 10,4 m²/người), trong đó khu vực đô thị 28,8m²/người, khu vực nông thôn 20,3m²/người; tiếp tục thực hiện cải tạo, chỉnh trang nhà ở đã có.

- Nâng tỷ lệ nhà ở kiên cố toàn tỉnh lên thành 84,0%; xóa nhà ở đơn sơ, dột nát.

- Tỷ lệ nhà chung cư trong các dự án phát triển nhà ở tại đô thị đạt 30%.

- Tỷ lệ nhà cho thuê bằng 5% so với tổng diện tích nhà ở tăng thêm tại khu vực đô thị.

- Tại mỗi dự án phát triển nhà ở khu vực đô thị có tối thiểu 01 tuyến đường mang đặc trưng nhà ở của đồng bào dân tộc thiểu số, phù hợp với văn hóa và phong tục tập quán của từng địa phương. Đến năm 2030, tỷ lệ nhà ở đồng bào dân tộc thiểu số trong các dự án phát triển nhà ở tại đô thị đạt khoảng 15%.

- Tổng vốn đầu tư xây dựng dành cho các loại nhà ở đến năm 2030 của toàn tỉnh là 58.148 tỷ đồng, trong đó vốn đầu tư từ ngân sách địa phương khoảng 243,0 tỷ đồng chiếm 0,4% tổng vốn đầu tư xây dựng dành cho các loại nhà ở.

- Quỹ đất ở tại khu vực đô thị và nông thôn tăng thêm khoảng 578,0 ha.

3. Giải pháp thực hiện

3.1. Giải pháp chung

3.1.1. Có các cơ chế, chính sách tạo điều kiện, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển nhà ở thương mại để bán, cho thuê, cho thuê mua theo cơ chế thị trường nhằm đáp ứng nhu cầu của các đối tượng có khả năng chi trả, đảm bảo cơ cấu về diện tích và chất lượng đầu tư xây dựng nhà ở phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế mỗi khu vực và từng thời kỳ của tỉnh.

3.1.2. Triển khai các cơ chế, chính sách, thực hiện lồng ghép các chương trình mục tiêu của Trung ương và của tỉnh để hỗ trợ phát triển nhà ở phi hàng hóa để giải quyết chỗ ở cho các nhóm đối tượng chính sách xã hội gặp khó khăn về nhà ở nhưng không đủ khả năng thanh toán theo cơ chế thị trường trên địa bàn. Trong đó, tập trung rà soát số lượng các đối tượng cần hỗ trợ về nhà ở để chủ động bố trí đủ quỹ đất, kế hoạch vốn ngân sách cho đầu tư xây dựng nhà ở xã hội.

3.1.3. Tiếp tục thực hiện việc cải cách thủ tục hành chính và tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng nhà ở theo quy hoạch do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3.2. Các nhóm giải pháp cụ thể

3.2.1. Về quy hoạch xây dựng và kiến trúc.

3.2.2. Về chính sách đất đai.

3.2.3. Về vốn và cơ chế, chính sách tài chính về nhà ở.

3.2.4. Về quản lý chất lượng xây dựng nhà ở.

3.2.5. Về giải pháp phát triển thị trường nhà ở và quản lý sử dụng nhà ở.

3.2.6. Về hoàn thiện cơ chế, chính sách nhà ở cho các đối tượng xã hội và cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực nhà ở.

3.2.7. Về hoàn thiện hệ thống, nâng cao năng lực tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về nhà ở.

3.2.8. Về khoa học, công nghệ.

3.2.9. Về công tác tuyên truyền, vận động

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

- Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 3. Nghị quyết có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình khóa XV, nhiệm kỳ 2011 – 2016, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 04 tháng 12 năm 2014./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc Hội;
- Chính phủ;
- VP Quốc hội;
- VP Chính phủ;
- Bộ Tài chính; Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra VBQPPL;
- TT.Tỉnh uỷ;
- TT.HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành;
- TT.HĐND, UBND các huyện, TP;
- TT công báo tỉnh, Báo Hòa Bình;
- Lưu: VT, CT. HĐND.



Bùi Văn Tỉnh